TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 23-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

2. Bà Mai Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Huy H, sinh năm 1996; chứng minh nhân dân số: 285647…; chức vụ: Cán bộ pháp chế Ngân hàng A; Địa chỉ liên hệ: đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Vào ngày 27/08/2010, bà P đã ký Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000236/HĐTD vay của Ngân hàng A số tiền 8.000.000.000 đồng, với mục đích góp vốn kinh doanh; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà P số tiền là

8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng) vào ngày 30/08/2010. Theo quy định tại điều 3 của hợp đồng tín dụng thì thời hạn tất toán hợp đồng sẽ được xác định vào ngày 30/08/2011.

Trong thời gian qua, các bên đã phối hợp phát mãi hết toàn bộ các tài sản thế chấp để trả nợ vay và đã thu hồi tổng số tiền 6.866.800.140 đồng, trong đó nợ gốc 6.456.500.140 đồng và nợ lãi 410.300.000 đồng từ phát mãi tài sản.

Tính đến ngày 23/5/2022 bà P còn nợ Ngân hàng A các khoản tiền như sau:

- Nợ gốc đã quá hạn: 1.543.499.860 đồng;

- Tiền lãi tính từ ngày 30/8/2011 đến ngày 23/5/2022, cụ thể như sau:

Lãi trong hạn:

TT	Lich trả nợ	Số dư tính lãi	Thời gian tính lãi	Số ngày	Lãi suất (%/năm)	Thành tiền (đồng)
1	30/8/2011	8.000.000.000	Từ 13/10/2011 đến 11/3/2012	1.151	19,800	664.400.000

Lãi quá hạn:

TT	Lich trả nợ	Số dư tính lãi	Thời gian tính lãi	Số ngày	Lãi suất (%/năm)	Thành tiền (đồng)
1	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 31/8/2011 đến 11/3/2012	194	0,198	5.975.200
2	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 12/3/2012 đến 31/5/2012	81	19,998	251.974.800
3	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 01/6/2012 đến 10/6/2012	10	15,655	24.352.222
4	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 11/6/2012 đến 14/7/2012	34	14,140	74.784.889
5	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 15/7/2012 đến 04/12/2012	163	15,150	384.136.667
6	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 25/12/2012 đến 05/3/2013	71	13,130	145.013.556
7	30/8/2011	5.559.725.000	Từ 06/3/2013 đến 05/03/2014	365	13,130	740.130.669
8	30/8/2011	5.559.725.000	Từ 06/3/2014 đến 14/01/2015	315	11,615	565.041.801

9	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 15/01/2015 đến 03/3/2015	48	11,615	53.474.964
10	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 04/3/2015 đến 30/9/2015	211	9,999	202.362.053
11	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 01/10/2015 đến 01/10/2015	1	9,696	929.999
12	30/8/2011	2.831.005.860	Từ 02/10/2015 đến 21/6/2016	264	9,696	201.295.841
13	30/8/2011	1.557.499.860	Từ 22/6/2016 đến 23/12/2016	185	9,696	77.605.026
14	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 24/12/2016 đến 31/12/2016	8	9,696	3.325.728
15	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017	90	9,898	38.193.904
16	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	180	9,797	75.608.341
17	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/10/2017 đến 25/11/2018	421	9,999	180.485.683
18	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 26/11/2018 đến 23/5/2022	1.275	9,090	496.910.486

Tổng cộng tiền lãi quá hạn: 3.515.626.629 đồng.

Tổng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/5/2022: 5.723.526.489 đồng.

Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.543.499.860 đồng, tiền lãi trong hạn là 664.400.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 664.400.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 3.515.626.629 đồng. Bà P có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 24/5/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Bị đơn - Bà Lê Thị Tuyết P: Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bà P; Hợp đồng tín dụng được hai bên thực hiện tại Ngân hàng A; Địa chỉ: đường L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết; bà P ký kết hợp đồng tín dụng với tư cách là cá nhân, nhưng bà P không có đăng ký kinh doanh nên việc Tòa án nhân dân Quận 7 đã thụ lý vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại là chưa đúng, cần điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của Nông nghiệp A đòi bà P trả số tiền nợ gốc là 1.543.499.860 đồng, tiền lãi trong hạn là 664.400.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 3.515.626.629 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Hội đồng xét xử nhận định:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì có đủ cơ sở xác định ngày 27/08/2010, bà P đã ký Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000236/HĐTD với Ngân hàng A số tiền 8.000.000.000 đồng, với mục đích góp vốn kinh doanh; Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà Lê Thị Tuyết P số tiền là 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng) vào ngày 30/08/2010. Theo quy định tại điều 3 của hợp đồng tín dụng thì thời hạn tất toán hợp đồng sẽ được xác định vào ngày 30/08/2011. Xét thấy nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng như trên là phù hợp với quy định tại Điều 52 của Luật các tổ chức tín dụng năm

1997, sửa đổi bổ sung năm 2004 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật.

[7] Hai bên đã thực hiện hợp đồng tín dụng và trong thời gian qua, các bên đã phối hợp phát mãi hết toàn bộ các tài sản thế chấp để trả nợ vay và đã thu hồi tổng số tiền 6.866.800.140 đồng, trong đó nợ gốc 6.456.500.140 đồng và nợ lãi 410.300.000 đồng từ phát mãi tài sản. Sau đó bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng A.

[8] Do đó, từ khi giải ngân ngày 30/08/2010 đến ngày 23/5/2022 thì bà P còn nợ Ngân hàng A các khoản tiền như sau:

[9] - Nợ gốc đã quá hạn: 1.543.499.860 đồng;

[10] - Tiền lãi tính từ ngày 30/8/2011 đến ngày 23/5/2022, cụ thể như sau:

[11] Lãi trong hạn:

TT	Lich trả nợ	Số dư tính lãi	Thời gian tính lãi	Số ngày	Lãi suất (%/năm)	Thành tiền (đồng)
1	30/8/2011	8.000.000.000	Từ 13/10/2011 đến 11/3/2012	1.151	19,800	664.400.000

[12] Lãi quá hạn:

TT	Lich trả nợ	Số dư tính lãi	Thời gian tính lãi	Số ngày	Lãi suất (%/năm)	Thành tiền (đồng)
1	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 31/8/2011 đến 11/3/2012	194	0,198	5.975.200
2	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 12/3/2012 đến 31/5/2012	81	19,998	251.974.800
3	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 01/6/2012 đến 10/6/2012	10	15,655	24.352.222
4	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 11/6/2012 đến 14/7/2012	34	14,140	74.784.889
5	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 15/7/2012 đến 04/12/2012	163	15,150	384.136.667
6	30/8/2011	5.600.000.000	Từ 25/12/2012 đến 05/3/2013	71	13,130	145.013.556
7	30/8/2011	5.559.725.000	Từ 06/3/2013 đến 05/03/2014	365	13,130	740.130.669
8	30/8/2011	5.559.725.000	Từ 06/3/2014 đến 14/01/2015	315	11,615	565.041.801
9	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 15/01/2015 đến 03/3/2015	48	11,615	53.474.964

10	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 04/3/2015 đến 30/9/2015	211	9,999	202.362.053
11	30/8/2011	3.452.968.000	Từ 01/10/2015 đến 01/10/2015	1	9,696	929.999
12	30/8/2011	2.831.005.860	Từ 02/10/2015 đến 21/6/2016	264	9,696	201.295.841
13	30/8/2011	1.557.499.860	Từ 22/6/2016 đến 23/12/2016	185	9,696	77.605.026
14	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 24/12/2016 đến 31/12/2016	8	9,696	3.325.728
15	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/01/2017 đến 31/3/2017	90	9,898	38.193.904
16	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017	180	9,797	75.608.341
17	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 01/10/2017 đến 25/11/2018	421	9,999	180.485.683
18	30/8/2011	1.543.499.860	Từ 26/11/2018 đến 23/5/2022	1.275	9,090	496.910.486

Tổng cộng tiền lãi quá hạn: 3.515.626.629 đồng

[13] Tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/5/2022: 5.723.526.489 đồng.

[14] Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng A đòi bà P trả số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn như nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 54 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 sửa đổi, bổ sung năm 2004; phù hợp với khoản 2 Điều 91 và khoản 1 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[15] Bị đơn là bà P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn không đến Tòa giải quyết vụ án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[16] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 5.723.526.489 đồng (Trong đó bao gồm số tiền nợ gốc là 1.543.499.860 đồng, tiền lãi trong hạn là 664.400.000 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 3.515.626.629 đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[18] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[19] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 5.723.526.489 đồng nên bị

đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 52 và Điều 54 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; khoản 2 Điều 91, các khoản 1, 2 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A:

Buộc bà P phải trả cho Ngân hàng A ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 5.723.526.489 (Năm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng, trong đó bao gồm các khoản như sau:

- Tiền gốc: 1.543.499.860 (Một tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 664.400.000 (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng;

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 30/8/2011 đến ngày 23/5/2022: 3.515.626.629 (Ba tỷ, năm trăm mười lăm triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm hai mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-201000236/HĐTD ngày 27/08/2010.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.723.526 (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi sáu) đồng.

- Ngân hàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.720.000 (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0041548 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, bà P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương